

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

HIỆN TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG

Vùng Đông Nam bộ (ĐNB) mới được khai thác cách đây khoảng 200 năm, mà tập trung chủ yếu vào nửa cuối thế kỷ 20, cho đến nay, rừng rậm đã bị khai thác cạn kiệt, thay vào đó là các thảm cây trồng nông nghiệp. Trong hơn một thập kỷ trở lại đây và khi nền kinh tế thị trường được hình thành đã kích thích mạnh mẽ sự phát triển sản xuất nông nghiệp của khu vực này. Diện tích và sản lượng một số cây trồng thế mạnh của vùng không ngừng tăng trên cơ sở tối ưu hóa về sử dụng đất. Bên cạnh những hiệu quả kinh tế trước mắt đã đạt được, thì những tổn thất khác về tài nguyên về môi trường cũng không phải nhỏ.

So với các vùng khác trong cả nước, vùng ĐNB có những điều kiện tự nhiên thuận lợi vào bậc nhất cho sản xuất nông nghiệp.

Về đất, ĐNB có quỹ đất rất phong phú và đa dạng, có 9 trong tổng số 12 nhóm đất của toàn quốc. Hai nhóm đất rất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp chiếm 60% tổng quỹ đất của vùng là đất xám và đất đỏ bazan. Đất đỏ bazan có 600 ngàn ha, chiếm 28% quỹ đất bazan toàn quốc, là loại đất tốt nhất

trong các loại đất đồi núi nước ta có độ phì nhiêu rất cao, nó thích hợp với nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như: cao su, cà phê, tiêu, điều, chè và dâu tằm, các cây ăn quả như: sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, chuối. Đất xám có 700 ngàn ha, chiếm 35% quỹ đất xám toàn quốc, là loại đất có khả năng thích hợp rộng rãi với nhiều loại cây trồng vào bậc nhất so với các loại đất khác trong cả nước, bao gồm cả những cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê, tiêu, điều... cây công nghiệp ngắn ngày như: đậu tương, lạc, thuốc lá, mía đường, cây ăn quả như: táo, thanh long, na, bưởi, xoài, mít..., cây hoa màu lương thực như: ngô, khoai, sắn và lúa nước. Các loại đất có nhiều trở ngại cho nông nghiệp như đất phèn, đất mặn, đất cát, đất trơ sỏi đá chỉ chiếm 14% quỹ đất của vùng, tỷ lệ thấp nhất so với các vùng khác trong cả nước, (vùng Đồng bằng sông Cửu Long có 60% đất phèn và đất mặn). Về khí hậu nông nghiệp, là vùng nhiệt đới nóng ẩm điển hình, với nền nhiệt cao đều quanh năm (26-27°C) tổng tích ôn (9000-10.000°C) bức xạ mặt trời cao, ánh nắng dồi dào, không có mùa đông

lạnh, không có gió bão và sương muối, lượng mưa cao 1500-2500mm. Vì vậy mà cây cối xanh tốt quanh năm và cho năng suất cây trồng khá cao. Địa hình bằng phẳng, giao thông rất thuận lợi mà ít có vùng nào sánh kịp.

Về cơ cấu sử dụng đất: Diện tích NN 899.000 ha, chiếm 38,17% tổng diện tích tự nhiên. Trong đất nông nghiệp, đất cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả có 308 ngàn ha, chiếm 34,24% diện tích đất NN, cây hàng năm 561 ngàn ha chiếm 62,3% đất NN. Trong cây hàng năm cây màu và cây CN-NN là chủ đạo. Đất lâm nghiệp: 591.225 ha, chiếm 25% diện tích đất tự nhiên, trong đó chủ yếu là các loại rừng non, rừng tái sinh, với trữ lượng rất thấp.

Sản xuất nông nghiệp chủ yếu là ngành trồng trọt và có một cơ cấu cây trồng rất phong phú so với các vùng khác trong toàn quốc. Bao gồm cả những cây CN-ĐN có giá trị kinh tế cao (cao su, cà phê, tiêu, điều), các cây CN-NN (đậu phộng, đậu nành, thuốc lá), các cây hoa màu lương thực (lúa, bắp, khoai các loại) các loại rau xanh và các cây ăn quả. Ngoài ra còn có một số diện tích dành cho nuôi trồng thủy sản.

Trong trồng trọt, cây công nghiệp dài ngày là chủ yếu, trong đó cây cao su 182 ngàn ha, chiếm 70% diện tích cao su toàn quốc, cây điều gần 150 ngàn ha, chiếm 65% diện tích điều toàn quốc. Hiện nay cây cao su còn đang tiếp tục phát triển, nó cho thấy tính hơn hẳn các cây trồng khác về hiệu quả kinh tế, tính ổn định và có tác dụng bảo vệ môi trường. Về xu thế phát triển của cây CN-ĐN mặc dù có những thăng trầm của từng cây do quy luật thị trường điều tiết, nhưng về tổng thể chung có xu thế tăng đều đặn một cách khá ổn định, nhất là sau những năm 1985 trở lại đây. Sản phẩm cao su tăng rất nhanh từ 153 ngàn tấn năm 1980 tăng lên 250 ngàn tấn năm 1992, sẽ còn tiếp tục tăng nhanh trong thập kỷ tới. Các cây CN-ĐN dần dần sẽ chiếm chỗ của các cây ngắn ngày khác.

Cây lương thực mà chủ yếu là lúa, từ năm 1976 đến 1992 luôn giao động trong khoảng trên dưới 300 ngàn ha. Chiếm tỷ lệ diện tích đất gieo trồng khá thấp trong vùng và có xu thế tăng giảm không đáng kể. Chứng tỏ rằng khả năng mở rộng đất trồng lúa ở vùng đông nam bộ là rất hạn chế. Con đường chính để tăng sản lượng lương thực là thâm canh, chuyên vụ. Về năng suất cả 3 vụ lúa đều có xu thế tăng. Về sản lượng lúa giai đoạn đầu từ 1976-1981 không tăng và không ổn định, chỉ trong khoảng 550.000 tấn. Sản lượng lương thực tăng vọt lên 752.800 tấn năm 1982 và giữ vững đến nay từ 750.000-800.000 tấn/năm. Cho tới nay sản phẩm lương thực chưa đủ cân đối trong nội vùng, bình quân lương thực

đầu người không quá 100 kg.

Các cây màu lương thực khác tăng nhanh từ 81.100 ha năm 1976 lên 171.100 ha năm 1980 và giảm dần cho đến 1992 chỉ còn 79.700 ha. Diện tích cây màu giảm do 2 nguyên nhân: (i) Dành đất cho cây CN-DN có hiệu quả kinh tế hơn hẳn. (ii) Do ảnh hưởng dư thừa lương thực của đồng bằng sông Cửu Long.

Cây CN-NN như lạc, đậu tương, mía, các loại đậu đỗ khác... sau giải phóng tăng rất nhanh từ 56.500 ha năm 1976 lên 119.200 ha năm 1984 và sau những năm 1989 diện tích có chiều hướng giảm chút đỉnh, cũng so việc dành đất cho các cây dài ngày.

Cây ăn quả tuy diện tích không nhiều so với cây trồng khác, nhưng nó là mặt hàng đặc sản, là cây trồng truyền thống của vùng. Vườn cây Lái Thiêu rất nổi tiếng ở Việt Nam hàng trăm năm nay với vị ngọt thanh của trái măng cụt và vị béo độc đáo của trái sầu riêng, vị ngọt đậm đà khó quên của trái mít tố nữ... Vì vậy sản xuất cây ăn trái đã ở một trình độ khá cao mang lại hiệu quả kinh tế rất lớn.

Trong tương lai, với điều kiện đất đai thuận lợi, yêu cầu thị trường của vành đai các thành phố và khu công nghiệp lớn chắc chắn loại hình sử dụng đất cho cây ăn trái sẽ rất hứa hẹn.

Trong vùng có 54 loại hình sử dụng đất (Land use type) trong nông nghiệp, được sản xuất trên 10 vùng đất khác (soil zone). Về hiệu quả kinh tế của các loại hình sử dụng đất trên các vùng đất rất khác nhau: vùng đất cát: Các cây ăn trái (nhãn, dứa, na), các cây rau (salat, củ môn...) cho tổng thu nhập và lãi thuần cao và yêu cầu đầu tư cũng khá cao, các cây lúa cho thu nhập rất thấp. Vùng đất phèn tiềm tàng dưới rừng ngập mặn: nuôi tôm cua có tổng thu nhập và lãi rất cao, tuy vậy phải đầu tư rất lớn. Vùng đất phèn: lúa 2 và 3 vụ và cây ăn trái cho tổng thu nhập và lãi thuần vào loại cao. Vùng đất mặn: Chỉ có các loại hình trồng lúa, trong đó lúa 2-3 vụ cho tổng thu nhập và lãi thuần cao. Vùng đất phù sa: lúa 2-3 vụ cho tổng thu nhập, lãi thuần vào loại cao và rất cao. Cây ăn trái có ưu thế hơn hẳn. Vùng đất đen Bazan: cây CN-DN và cây ăn trái có ưu thế hơn hẳn các loại đất khác về hiệu quả sản xuất. Vùng đất phù sa cổ: các loại hình về cây cao su, điều và các loại hình luân canh lúa + màu + cây CN-NN có tổng thu nhập cao, lãi thuần và hiệu quả đồng vốn cao nhất. Vùng đất đỏ trên Bazan: Rất phong phú về các loại hình sử dụng đất trong đó ưu thế về hiệu quả kinh tế thuộc về các cây ăn quả và cây CN-DN.

Qua nghiên cứu đánh giá về hiệu quả kinh tế, tác động môi trường, tác động xã hội của 54 loại hình sử dụng đất, có 41 loại hình sử dụng đất đã được chọn việc bố trí sử dụng đất trên quan

điểm sinh thái và phát triển bền vững.

Mặc dù vậy, sự phát triển này có những nhược điểm cần thiết phải được khắc phục:

- Tàng diện tích đất NN dẫn đến sự phá rừng nghiêm trọng, làm mất cân bằng sinh thái vốn có của vùng. Diện tích rừng từ chỗ có độ che phủ 60% năm 1945, nay chỉ còn không đầy 20% với chất lượng rừng rất kém.

- Sản xuất quảng canh và sản xuất nương rẫy đất dốc còn rất phổ biến, làm cho đất ngày càng xấu đi do quá trình sỏi mòn, rửa trôi.

- Những mất cân đối trong nông nghiệp càng nhấn mạnh thêm, giữa sản xuất với chế biến, tiêu thụ, giữa trồng trọt và chăn nuôi.

- Đời sống của các dân tộc thiểu số và một bộ phận lớn người kinh còn rất khó khăn, mức sống vật chất và tinh thần của nông dân thấp kém và kéo dài quá lâu.

Về tiềm năng đất nông nghiệp: Vùng ĐNB có tiềm năng rất lớn cho khai thác mở rộng diện tích đất nông nghiệp về cả hai mặt: (i) Diện tích canh tác và (ii) diện tích gieo trồng. Nhìn chung đất đai của vùng rất phong phú và có chất lượng vào loại tốt nhất so với các vùng khác trong cả nước. Nó thích nghi cao với nhiều loại cây trồng mà các vùng khác không có được. Vấn đề ở đây việc bố trí cây trồng sao cho cân đối và phù hợp. Tổng diện tích đất nông nghiệp có khả năng mở rộng từ 900.000 lên 1.500.000 ha. Trong đó: Các cây CN-DN nhất là cây cao su, điều, cây ăn trái, là cây mũi nhọn của vùng, hiện tại có khoảng 308.000 ha, có khả năng mở rộng thêm từ 200 - 300 ngàn ha. Lúa nước 2-3 vụ có tuổi hiện tại có khoảng 70.000 ha, khả năng có thể đưa lên 150.200 ha. Các cây CN-NN có khả năng mở rộng 100-150 ngàn ha.

Để có thể khai thác tiềm năng phong phú của vùng trên quan điểm sinh thái bền vững cần thiết phải chú ý các vấn đề: (i) tăng cường cung cấp nước tưới, cải tạo đất, chống sỏi mòn rửa trôi trên đất dốc. (ii) tăng cường và bảo đảm nguồn tín dụng cho sản xuất vì có tới 60% nông dân nghèo không có khả năng tự túc vốn cho sản xuất, họ phải đi vay từ các nguồn tư nhân với lãi suất cao (10-15% tháng). (iii) Công nghiệp chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ đóng một vai trò rất quan trọng cho việc bảo đảm sản xuất phát triển. (iv) Công tác khuyến nông: Bao gồm dịch vụ kỹ thuật, trao đổi kinh nghiệm về các biện pháp khai hoang, làm đất, chống sỏi mòn, cải tạo đất, bón phân, sử dụng giống và phòng trừ sâu bệnh ♣



Tạp Chí PTKT đính chính:

1. Số 38 (12.93), trang 16, cột 1, dòng cuối cùng xin đọc lại là:

$$K = \frac{1}{1 - \frac{dc}{dy}} = \frac{1}{1 - MPC} = \frac{1}{MPS}$$

2. Số 41 (3.94), trang 16 - 17, tựa bài xin đọc lại là: chính sách tỷ giá

hối đoái tác động đến đầu tư và xuất, nhập khẩu.

Một lần nữa, xin lỗi hai tác giả bài viết trên và đọc giả.

PTKT